

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/DS-PT  
Ngày: 25- 8- 2022.  
V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức  
*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Châu Thạch  
Ông Nguyễn Thành Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**  
Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2022/TLPT-DS ngày 14/7/2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐ-PT ngày 01/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2022 ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm 1958. Cư trú tại: Số 245, đường Hùng Vương, Tổ dân phố Lạc Thiện 1, Thị trấn D’ran, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1962. Cư trú tại: Số 17, Chợ Lạc Nghiệp, Tổ dân phố 2, Thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Phương Đại N, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Đại Nghĩa. Địa chỉ: 11A Trần Lê, phường 4, Đà Lạt, Lâm Đồng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1964. Cư trú tại: Số 17, Chợ Lạc Nghiệp, tổ dân phố 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày như sau:* Bà Ngô Thị T và bà Ngô Thị H là chị em ruột. Năm 2018 bà T có bán 01 căn nhà tại thôn Phi Nôm, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng được 4.000.000.000đ, ngày 15/4/2020 bà T cho bà H mượn 1.000.000.000đ, hai bên thỏa thuận thời hạn mượn tiền là 01 năm, đến ngày 15/4/2021 thì bà H phải trả đủ, thỏa thuận hàng tháng bà H phải trả tổng cộng là 20.000.000đ, trong đó có 10.000.000đ tiền lãi của khoản nợ gốc 1.000.000.000đ và 10.000.000đ tiền bà H cho thêm tiền chênh lệch khi bán căn nhà tại thành phố Đà Lạt. Từ khi vay tiền ngày 15/4/2020 thì bà H đã trả lãi đầy đủ cộng với tiền cho thêm hàng tháng. Đến 15/4/2021 thì không trả lãi nữa. Bà T xác nhận bà H đã trả được 628.000.000đ nợ gốc, còn lại 372.000.000đ chưa trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà H trả khoản tiền này, đồng thời yêu cầu trả lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tính từ ngày 16/4/2021 cho đến khi bà H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Ngô Thị H thừa nhận có mượn của bà T số tiền 1.000.000.000đ vào ngày 15/4/2020, có thỏa thuận trả lãi hàng tháng với mức 20.000.000đ/tháng. Thực tế hàng tháng bà H đã trả cho bà T với mức 21.000.000đ, trong đó có 20.000.000đ là tiền lãi tính trên 1.000.000.000đ nợ gốc và 1.000.000đ là lãi suất của khoản vay 3.300 USD. Cụ thể việc trả gốc và lãi bà H giải trình như sau:

Tổng cộng từ 15/4/2020 cho đến 22/4/2021 bà H đã trả cho bà T được 372.000.000đ. Cụ thể:

+ Từ ngày 15/4/2020 đến 16/4/2021 đã trả cho bà T là: 13 tháng x 21.000.000đ/01 tháng = 273.000.000đ.

+ Trước đó ngày 06/5/2019 chồng bà H là ông Trịnh Văn L có chuyển qua tài khoản của bà Ngô Thị T 500.000.000đ, số tiền này bà H cho bà T mượn nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không có giấy vay tiền, cũng không thỏa thuận về lãi suất. Vì vậy khấu trừ vào khoản này 100.000.000đ thì bà H, ông L đã trả được 372.000.000đ

+ Ngày 22/4/2021 ông L chuyển vào tài khoản của bà T 628.000.000đ, ngày 21/4/2021 cũng đã trả 3.300USD cho bà T.

Như vậy, đến thời điểm ngày 21/4/2021 bà H, ông L không còn nợ bà T mà ngược lại bà T còn phải trả cho bà H số tiền 400.000.000đ sau khi đã khấu trừ vào khoản nợ 500.000.000đ ngày 06/5/2019. Do đó, bà Ngô Thị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Đồng thời bà H có yêu cầu phản tố buộc bà T phải trả số tiền 400.000.000đ theo chứng từ chuyển tiền ngày 06/5/2019.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DSST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc bà Ngô Thị H có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị T số tiền 398.000.000đ (*ba trăm chín mươi tám triệu đồng*) trong đó nợ gốc là 372.000.000đ và nợ lãi là 26.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2022, bị đơn bà Ngô Thị H kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị, Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn bà Ngô Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo; phía nguyên đơn không kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị đơn bà Ngô Thị H đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc ngày 15/4/2020, bà Ngô Thị T cho bà Ngô Thị H vay số tiền 1.000.000.000 đồng, số tiền vay được bà T chuyển trực tiếp vào tài khoản ông Trịnh Văn L, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Đến hạn trả nợ ngày 16/4/2021 nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà T khởi kiện

yêu cầu bà H trả số nợ trên. Bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và cho rằng bà đã trả hết nợ cho bà T và có đơn phản tố yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 400.000.000 đồng nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị H thì thấy rằng:

[2.1] Theo giấy mượn tiền ngày 15/4/2020 thể hiện bà H có vay của bà T số tiền 1.000.000.000 đồng, số tiền vay được bà T chuyển khoản trực tiếp vào số tài khoản của ông Trịnh Văn L, thời hạn vay là 12 tháng (*từ ngày 15/4/2020 đến ngày 15/4/2021*), lãi suất do các bên tự thỏa thuận riêng, việc này được các bên thừa nhận. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[2.2] Theo bà T trình bày bà H chỉ trả tiền gốc là 628.000.000 đồng do ông Trịnh Văn L chuyển vào tài khoản của bà Ngô Thị T ngày 22/4/2021, số nợ còn lại là 372.000.000 đồng chưa trả nên bà T yêu cầu bà H trả số tiền gốc còn nợ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

[2.3] Phía bà H trình bày bà có mượn của bà T số tiền 1.000.000.000 đồng và hàng tháng bà có chuyển trả cho bà T số tiền 21.000.000 đồng tiền lãi, trong đó có 10.000.000 đồng tiền lãi của khoản nợ gốc 1.000.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền bà H cho thêm tiền chênh lệch khi bán căn nhà tại thành phố Đà Lạt và 1.000.000 đồng lãi suất của khoản vay 3.300 USA. Tính đến tháng 22/4/2021 bà đã trả được cho bà T tổng cộng số tiền 272.000.000 đồng.

[2.4] Xét đây là khoản tiền trả lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng và tiền chênh lệch cho thêm khi bán căn nhà tại Đà Lạt, cũng như tiền lãi của khoản vay 3.300 USA, không có thỏa thuận nào giữa bà T và bà H về việc nhập số tiền lãi này để trừ vào khoản nợ gốc nên lời trình bày của bà H đã trả cho bà T số tiền 272.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Quá trình điều tra, bà H còn cung cấp cho Tòa án giấy chuyển tiền ngày 26/5/2019 do ông Trịnh Văn L chuyển vào tài khoản bà T số tiền 500.000.000 đồng. Theo bà H trình bày số tiền trên cho bà T mượn, hai bên thỏa thuận trừ 100.000.000 đồng từ số tiền 500.000.000 đồng cho bà T mượn vào năm 2019 thì trả được 372.000.000 đồng, sau đó ngày 22/4/2021 ông Trịnh Văn L đã chuyển vào tài khoản bà T số tiền 628.000.000 đồng, khấu trừ bà H không còn nợ bà T mà ngược lại bà T còn nợ bà H số tiền 400.000.000đ và có đơn phản tố yêu cầu bà T trả số tiền nợ trên.

[2.6] Tuy nhiên, lời trình bày này của bà H không được bà T chấp nhận và việc chuyển tiền này là trước ngày 15/4/2020 khi hai bên xảy ra việc vay mượn.

Hơn nữa nội dung chuyển tiền không thể hiện rõ là chuyển tiền vào việc gì. Đồng thời, qua biên bản đối chất thì bà T chỉ thừa nhận việc bà H trả nợ cho khoản nợ 3.300 USD và phủ nhận các nội dung khác. Bà H không cung cấp được bản chính các giấy ghi chép ngày 16/4/2021. Nội dung khấu trừ thêm 100.000.000 đồng không thể hiện rõ thanh toán vào khoản nợ nào. Do đó, lời trình bày của bà H là không có cơ sở chấp nhận.

[2.7] Từ những phân tích trên, nguyên đơn căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 15/4/2020, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn thiếu 372.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận và không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả số tiền gốc 400.000.000 đồng.

[3] Mặc dù khoản vay tiền này là trong thời gian ông L và bà H vẫn còn tồn tại quan hệ vợ chồng và ông L cũng có biết, ông còn sử dụng tài khoản cá nhân mình đứng ra giao dịch nhận tiền. Tuy nhiên, bà H xác định đây là khoản vay bà sử dụng vào việc cá nhân và tự chịu trách nhiệm nên ông L không có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà T trong vụ án này.

[4] Về lãi suất: Theo giấy mượn tiền ngày 15/4/2020, mặt sau có ghi lãi suất trả hàng tháng là 10.000.000 đồng, cho thêm tiền bán đất Đà Lạt 10.000.000 đồng. Tổng cộng 20.000.000 đồng. Trong đó mức lãi suất 10.000.000 đồng trả trên số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, mức lãi suất này phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, các bên thừa nhận hàng tháng có trả thêm 1.000.000 đồng đối với khoản vay 3.300USD, khoản vay này đã trả xong không tranh chấp. Bà H gộp khoản lãi 1.000.000 đồng vào khoản nợ 372.00.000 đồng là không có căn cứ.

Bà T yêu cầu bà H trả lãi 0,806%/tháng, tức là 36.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

Các bên thừa nhận đã trả lãi đầy đủ và liên tục từ ngày 15/4/2020 đến ngày 15/4/2021, theo giấy mượn tiền thể hiện bà T đã nhận lãi kỳ đầu tiên 10.000.000 đồng nên cần trừ số tiền 10.000.000 đồng, buộc bà H trả cho bà T số tiền lãi còn lại là 26.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền chi phí tố tụng 5.000.000 đồng để hoàn trả cho bà T là phù hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Tuy nhiên tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí tuyên bà Ngô Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí là không đúng nên cần phải sửa lại phần này. Bị đơn bà Ngô Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà H đã trên 60 tuổi và

có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, nội dung của vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DSST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ về phần án phí.

**Xử.**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc bà Ngô Thị H có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị T số tiền 398.000.000đ (*ba trăm chín mươi tám triệu đồng*) trong đó nợ gốc là 372.000.000đồng và nợ lãi là 26.000.000đồng.

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Ngô Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Ngô Thị Ngọ số tiền 5.000.000đồng.

3. Về án phí:

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị H số tiền 12.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006564 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- Án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị H được miễn án phí Dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003962 ngày 30/5/2022 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện Đ.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Châu Thạch**

**Nguyễn Thành Tâm**

**Nguyễn Văn Đức**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA (01);
- TAND H.Đơn Dương (01);
- Chi cục thi hành án dân sự H.Đơn Dương (01);
- Các đương sự(03);
- Lưu, án văn, hồ sơ (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đức**







